

Số: **1080/2022/QĐST-HNGĐ**

Bình Chánh, ngày 05 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP .

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84
Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường
vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ
phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 945/2022/TLST-
VHNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022, về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau
đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Dương Thị D**, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Nhà không số tổ 9, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Nguyễn Văn Quý T**, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Nhà không số tổ 9, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1 Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản
hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 24 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và
không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2 Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành,
không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như
sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Dương Thị D và ông Nguyễn Văn Quý T thuận tình
ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20.2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã
L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 20/02/2013 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà D và ông T xác nhận ông bà có hai con chung là trẻ
Nguyễn Ngọc Thùy T1, sinh ngày 07/4/2013 và trẻ Nguyễn Dương Minh H, sinh ngày
02/6/2016. Hiện tại trẻ T1 đang sống cùng ông T, trẻ H đang sống cùng bà D. Bà D và

ông T thỏa thuận giao trẻ T1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà D và ông T.

Bà D, ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà D và ông T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vấn đề khác (nợ chung): Bà D và ông T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Dương Thị D và ông Nguyễn Văn Quý T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà D và ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0041858 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà D và ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS HBC;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy

